

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Môn học phần: 0714001618 - Hóa học 4

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	18000924	Đỗ Phương	Anh	09/01/2003	18T4-NNA2	1	8	tám chẵn	
2	18001398	Lê Thị Kim	Anh	22/12/2003	18T4-NNA2	2	7.5	bảy rưỡi	
3	18001078	Tăng Nguyễn Thùy	Anh	29/09/2003	18T4-NNA2	3	8	tám chẵn	
4	18001007	Võ Hải	Anh	03/04/2003	18T4-NNA2	4	9	chín chẵn	
5	18000960	Nguyễn Trần Gia	Bảo	01/01/2003	18T4-NNA2	5	7	bảy chẵn	
6	18000921	Trần Anh	Đào	21/06/2003	18T4-NNA2	6	8	tám chẵn	
7	18000987	Tạ Ngọc Phong	Duy	26/06/2003	18T4-NNA2	7	6.5	sáu rưỡi	
8	18002845	Trần Quỳnh	Giang	27/05/2002	18T4-NNA2	8	8.5	tám rưỡi	
9	18001073	Trần Duy	Hải	22/05/2003	18T4-NNA2	27	7	bảy chẵn	
10	18000798	Nguyễn Trần Gia	Hân	09/01/2003	18T4-NNA2	9	8.5	tám rưỡi	
11	18000910	Khương Xuân	Hùng	11/02/2003	18T4-NNA2	11	6.5	sáu rưỡi	
12	18000823	Nguyễn Song	Huy	09/05/2003	18T4-NNA2	12	7	bảy chẵn	
13	18001178	Huỳnh Quốc	Lâm	25/07/2003	18T4-NNA2	40	7	bảy chẵn	
14	18000958	Trần Công	Lập	18/01/2003	18T4-NNA2	13	7	bảy chẵn	
15	18001182	Nguyễn Phạm Thùy	Linh	01/08/2001	18T4-NNA2	39	7	bảy chẵn	
16	18001166	Huỳnh Thiện	Lộc	27/06/2003	18T4-NNA2	14	8.5	tám rưỡi	
17	18000891	Phùng Thảo	My	11/01/2003	18T4-NNA2	15	7	bảy chẵn	
18	18000951	Đào Ngọc Kim	Ngân	27/07/2003	18T4-NNA2	16	8.5	tám rưỡi	
19	18001006	Phan Nhật Kim	Ngân	11/08/2003	18T4-NNA2	17	7.5	bảy rưỡi	
20	18001014	Trần Hà Kiều	Oanh	30/04/2003	18T4-NNA2	18	7	bảy chẵn	
21	18000932	Bùi Thụy Hồng	Phúc	29/07/2003	18T4-NNA2	19	8	tám chẵn	
22	18000855	Nguyễn Thiên	Phúc	19/06/2003	18T4-NNA2	20	8	tám chẵn	
23	18001162	Đoàn Thị	Phụng	16/04/2003	18T4-NNA2	21	8	tám chẵn	
24	18005407	Nguyễn Hoàng Thiên	Quý	04/11/2003	18T4-NNA2	22	7.5	bảy rưỡi	
25	18001071	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	28/03/2003	18T4-NNA2	23	7	bảy chẵn	
26	18000890	Phạm Minh	Thu	28/03/2003	18T4-NNA2	24	7.5	bảy rưỡi	
27	18000820	Ngô Trần Thanh	Thương	13/12/2003	18T4-NNA2	25	8	tám chẵn	
28	18000819	Đinh Hoàng Cát	Tiên	19/12/2003	18T4-NNA2	26	6.5	sáu rưỡi	
29	18001042	Trần Mạnh	Tiến	28/11/2003	18T4-NNA2	27	5	năm chẵn	
30	18001046	Nguyễn Xuân	Toan	16/02/2003	18T4-NNA2	28	7	bảy chẵn	
31	18001001	Đặng Nguyễn Ngọc	Trâm	27/03/2003	18T4-NNA2	29	8.5	tám rưỡi	
32	18000961	Võ Ngọc Bích	Trâm	12/11/2003	18T4-NNA2	30	8	tám chẵn	
33	18001168	Dương Thị Đoan	Trang	04/11/2003	18T4-NNA2	31	7.5	bảy rưỡi	
34	18001121	Nguyễn Hoàng	Trang	23/12/2003	18T4-NNA2	32	7.5	bảy rưỡi	
35	18000782	Nguyễn Lê Minh	Trang	09/03/2002	18T4-NNA2	33	8	tám chẵn	
36	18001088	Nguyễn Mỹ Đoan	Trang	17/08/2001	18T4-NNA2	34	7.5	bảy rưỡi	
37	18000940	Nguyễn Ngô Phương	Uyên	20/03/2003	18T4-NNA2	35	5.5	năm rưỡi	
38	18001231	Nguyễn Ngọc Quang	Vinh	31/12/2003	18T4-NNA2	36	7	bảy chẵn	
39	18000773	Cao Thanh	Vũ	08/04/2002	18T4-NNA2	37	6.5	sáu rưỡi	

40	18000919	Bùi Nguyễn Tường Vy	30/10/2002	18T4-NNA2	38	5.5	năm rưỡi	
----	----------	---------------------	------------	-----------	----	-----	----------	--

Ghi chú:

Danh sách gồm 40 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 40 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 00 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Minh Phong

Trịnh Khắc Vũ

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Môn học phần: 0714001618 - Hóa học 4

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	18000917	Lê Hải Thiên	Ân	24/06/2003	18T4-CNÔ4	1	7	bảy chẵn	
2	18001021	Huỳnh Trịnh Nhật	Anh	15/09/2003	18T4-CNÔ4	2	8	tám chẵn	
3	18000821	Lê	Bình	30/07/2003	18T4-CNÔ4	3	7	bảy chẵn	
4	18000972	Lưu Thắng	Bình	20/08/2003	18T4-CNÔ4	4	7	bảy chẵn	
5	18001065	Đoàn Nguyễn Quang	Cảnh	31/10/2003	18T4-CNÔ4	5	6.5	sáu rưỡi	
6	18000999	Nguyễn Thành	Đạt	05/09/2003	18T4-CNÔ4	33	8	tám chẵn	
7	18001116	Trần Minh	Đạt	07/01/2003	18T4-CNÔ4	6	7	bảy chẵn	
8	18001081	Lê Minh	Hải	16/03/2002	18T4-CNÔ4	7	7	bảy chẵn	
9	18000839	Trần Quốc	Hậu	05/06/2003	18T4-CNÔ4	8	8	tám chẵn	
10	18001149	Triệu Phước	Hậu	31/10/2003	18T4-CNÔ4	9	9.5	chín rưỡi	
11	18001123	Hồ Trọng	Hiếu	10/08/2003	18T4-CNÔ4	11	8	tám chẵn	
12	18000946	Trương Văn	Hiếu	10/09/2001	18T4-CNÔ4	12	7	bảy chẵn	
13	18000884	Huỳnh Văn	Hòa	20/03/2003	18T4-CNÔ4	13	8	tám chẵn	
14	18000912	Nguyễn Phạm Quốc	Hưng	03/12/2003	18T4-CNÔ4	14	7	bảy chẵn	
15	18000952	Trần Hoàng	Hưng	27/06/2003	18T4-CNÔ4	15	6	sáu chẵn	
16	18001094	Nguyễn Minh	Huy	25/03/2003	18T4-CNÔ4	16	7	bảy chẵn	
17	18001101	Nguyễn Ngọc	Lâm	06/08/2003	18T4-CNÔ4	34	6	sáu chẵn	
18	18000984	Phan Lê Nhất	Lập	13/10/2003	18T4-CNÔ4	17	7	bảy chẵn	
19	18001112	Nguyễn Đức	Long	22/02/2002	18T4-CNÔ4	18	7.5	bảy rưỡi	
20	18001085	Huỳnh Nhật	Minh	04/12/2003	18T4-CNÔ4	19	8	tám chẵn	
21	18000993	Huỳnh Quốc	Minh	09/04/2003	18T4-CNÔ4	20	7	bảy chẵn	
22	18000925	Tôn Thất	Minh	28/02/2003	18T4-CNÔ4	21	8	tám chẵn	
23	18001054	Nguyễn Nhất	Phi	12/02/2003	18T4-CNÔ4	22	7	bảy chẵn	
24	18001100	Trương Thế	Phong	20/05/2003	18T4-CNÔ4	23	8.5	tám rưỡi	
25	18001118	Trương Trần Thiên	Phú	23/12/2002	18T4-CNÔ4	24	0	không điểm	bỏ thi
26	18000843	Trần Phước Hoàn	Phúc	19/05/2003	18T4-CNÔ4	25	8	tám chẵn	
27	18000913	Nguyễn Quốc Anh	Quân	28/04/2003	18T4-CNÔ4	26	6.5	sáu rưỡi	
28	18001079	Phạm Hồng	Tấn	31/12/2001	18T4-CNÔ4	27	6.5	sáu rưỡi	
29	18001151	Ngô Đức	Thịnh	22/09/2002	18T4-CNÔ4	28	6	sáu chẵn	
30	18001045	Nguyễn Khang	Thuận	25/09/2003	18T4-CNÔ4	29	7	bảy chẵn	
31	18000975	Kiều Hoàng Thanh	Tín	01/05/2003	18T4-CNÔ4	30	7	bảy chẵn	
32	18000915	Lê Quang	Trường	26/02/2003	18T4-CNÔ4	31	8	tám chẵn	
33	18001024	Phan Công	Việt	03/12/2003	18T4-CNÔ4	32	7	bảy chẵn	
34									
35									
36									

Ghi chú:

Danh sách gồm 33 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 32 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 32 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Minh Phong

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Khắc Vũ

TP. HCM, ngày tháng năm 2021
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)
Môn học phần: 0714001618 - Hóa học
4

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	mã đề	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	18001170	Nguyễn Ngọc Băng	Băng	30/06/2003	18T4-THU1	33	8.5	tám rưỡi	
2	18001128	Hà Gia	Bảo	25/06/2003	18T4-THU1	1	9	chín chẵn	
3	18002032	Nguyễn Gia	Bảo	08/08/2003	18T4-THU1	2	7.5	bảy rưỡi	
4	18000274	Phạm Gia	Bảo	07/11/2003	18T4-THU1	3	7	bảy chẵn	
5	18000395	Võ Hoàng	Bảo	11/08/2003	18T4-THU1	4	8.5	tám rưỡi	
6	18000432	Trương Gia	Bình	18/12/2003	18T4-THU1	5	4.5	bốn rưỡi	
7	18001209	Đỗ Ngọc	Châu	08/01/2003	18T4-THU1	6	8.5	tám rưỡi	
8	18000895	Viên Ngọc	Châu	21/09/2003	18T4-THU1	7	7.5	bảy rưỡi	
9	18005054	Trần Ngọc Hoàng	Duy	21/05/2002	18T4-THU1	8	8	tám chẵn	
10	18003326	Trần Nguyễn Vũ	Hà	12/01/2003	18T4-THU1	9	8	tám chẵn	
11	18003959	Phạm Nguyễn Thu	Hằng	18/02/2003	18T4-THU1	34	8	tám chẵn	
12	18002374	Trần Đại	Hào	28/08/2002	18T4-THU1	11	8.5	tám rưỡi	
13	18000235	Đặng Thanh	Hiếu	20/08/2002	18T4-THU1	12	6	sáu chẵn	
14	18002336	Phạm Nguyễn Duy	Khiêm	03/10/2003	18T4-THU1	30	6.5	sáu rưỡi	
15	18000481	Nguyễn Minh Đăng	Khoa	09/07/2003	18T4-THU1	13	6	sáu chẵn	
16	18000224	Trần Nhật Minh	Khôi	29/07/2003	18T4-THU1	36	8	tám chẵn	
17	18000296	Trần Hoàng	Long	06/12/2003	18T4-THU1	14	6.5	sáu rưỡi	
18	18000400	Võ Hoàng Nhật	Minh	27/06/2003	18T4-THU1	15	6	sáu chẵn	
19	18002389	Hoàng Hải	Nam	15/12/2003	18T4-THU1	16	7	bảy chẵn	
20	18000965	Phan Trung	Nam	28/10/2003	18T4-THU1	35	6.5	sáu rưỡi	
21	18001199	Trần Chung	Phát	10/05/2003	18T4-THU1	17	9	chín chẵn	
22	18000192	Vương Thiệu	Phong	04/06/2003	18T4-THU1	18	7.5	bảy rưỡi	
23	18001295	Tạ Hồ Phi	Phụng	01/11/2003	18T4-THU1	19	7.5	bảy rưỡi	
24	18000794	Phan Hữu	Phước	04/07/2003	18T4-THU1	20	8	tám chẵn	
25	18002325	Nguyễn Cao	Thông	14/11/2003	18T4-THU1	21	8.5	tám rưỡi	
26	18000311	Bùi Thị Anh	Thư	20/06/2003	18T4-THU1	22	7	bảy chẵn	
27	18000247	Nguyễn Anh	Thư	05/11/2003	18T4-THU1	31	6	sáu chẵn	
28	18000106	Lương Vũ	Thuận	04/03/2003	18T4-THU1	23	7	bảy chẵn	
29	18000621	Nguyễn	Tín	17/10/2003	18T4-THU1	24	6.5	sáu rưỡi	
30	18000259	Nguyễn Minh	Toàn	06/01/2003	18T4-THU1	25	7.5	bảy rưỡi	
31	18000578	Trần Thị Ngọc	Trâm	21/03/2003	18T4-THU1	26	9	chín chẵn	
32	18001401	Trần Thị Bích	Vân	19/05/2003	18T4-THU1	27	7	bảy chẵn	
33	18000751	Nguyễn Hùng	Việt	01/11/2002	18T4-THU1	32	8	tám chẵn	
34	18001402	Trần Thị Phương	Vy	04/02/2003	18T4-THU1	28	8	tám chẵn	
35	18001902	Mai Hồng	Yến	06/09/2003	18T4-THU1	29	7	bảy chẵn	

Ghi chú:

Danh sách gồm 35 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 35 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 00 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Minh Phong

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Khắc Vũ

TP. HCM, ngày tháng năm 2021
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....